

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson Two – Answers to Practices

Practice 2-1 Review Dialog One and answer these questions. Cross out words not in use.

1. Hai người trong mẫu đối thoại là hai cha con – ông Thành và Trung.
2. Người cha muốn biết con mình muốn học ngành gì.
3. Người con trả lời rằng anh ấy muốn học ngành tâm lý học đường.
4. Ngành tư vấn học đường làm việc tư vấn tại các trường.
5. Trung sẽ học trong sáu năm.
6. Khi ra trường Trung sẽ có bằng cao học.
7. Không khó lắm có nghĩa là ‘hơi khó’.
8. Cha Trung nói: “Nghe sao hay quá.”
9. Tôi đang học ngành tâm lý/sinh vật/vật lý/địa chất/cơ khí/hoá học/khảo cổ/thiên văn.
10. Tôi sẽ học trong sáu năm/bảy năm/tám năm/chín năm.
11. Tôi nghĩ khi ra trường dễ/khó kiếm việc vì ngành của tôi đang rất cần/ít nơi cần.
12. Tôi sẽ đậu bằng cử nhân/cao học/tiến sĩ.
13. Tôi không/rất thích làm việc ở trường học.
14. Nghề giáo ở Hoa Kỳ rất vất vả.
15. Tôi rất/không thích nghề dạy học.

Practice 2-2 Review Dialog Two and answer these questions. Cross out words not in use.

1. Hai bà hỏi nhau về con cái của họ.
2. Con bà B học lớp năm.
3. Con bà A học lớp tám.
4. Bà A có năm đứa con – bốn trai một gái.
5. Con lớn nhất của bà A là 14 tuổi.
6. Con nhỏ nhất của bà B là 11 tuổi.
7. Chồng bà B mất sớm.
8. Bà B nặng gánh gia đình hơn.
9. Tôi chưa/đã có gia đình rồi.
10. Con lớn nhất của tôi là ____ tuổi./Tôi chưa có con./ Tôi không có con vì chưa có gia đình.
11. Con tôi đang học ngành ____./Xin lỗi, tôi chưa có con/có gia đình.
12. Sang năm/hai năm nữa con đầu/con giữa/con út tôi ra trường./Còn lâu nó mới ra trường./Tôi chưa có gia đình nên không có con ra trường.
13. Tôi muốn con tôi làm việc gần nhà/xa nhà.
14. Tôi luôn luôn hy vọng con tôi tìm được việc ngay sau khi ra trường.
15. Nếu không tìm được việc ngay thì tiếp tục đi học.

Practice 2-3 Review Dialog Three and answer these questions:

1. Tên của viên tư vấn là Colleen Smith.
2. Hình như Trung theo học ngành tâm lý học đường.
3. Trung phải lấy khoảng 18 lớp về các môn tổng quát.
4. Học xen kẽ là học các môn tổng quát và các môn chính cùng lúc.
5. Trung có thể lấy được ba lớp tự nghiên cứu.

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson Two – Answers to Practices

- Điều kiện để lấy lớp tự nghiên cứu là được sự đồng ý của giáo sư phụ trách lớp đó.
- Nếu Trung có thắc mắc điều gì có thể gọi điện thoại cho bà Colleen hoặc lấy hẹn để gặp bà ấy.
- Trước khi vào học tôi đã gặp viên tư vấn là bà Smith./Tôi chưa đi gặp viên tư vấn.
- Tôi đã đến gặp viên tư vấn rồi./Tôi sẽ gặp viên tư vấn vào tuần tới
- Tôi chưa đến gặp viên tư vấn được vì chưa lấy hẹn/... vì tôi tự biết mình sẽ học các môn gì.
- Tôi có đến gặp viên tư vấn và hỏi bà ấy cả chương trình học của tôi.
- Tôi không muốn trở thành viên tư vấn vì tôi không thích công việc đó./ Tôi rất thích trở thành viên tư vấn vì công việc ấy rất nhàn.
- Tôi thường góp ý với bạn bè, bà con về nhiều việc./Tôi không hề góp ý với ai cả vì tôi sợ mình sai. (I'm afraid I'm wrong.)
- Khi gặp chuyện khó tôi thường tự tìm cách giải quyết./ Tôi thường hỏi ý kiến bà con.
- Theo tôi, trong cuộc sống, điều khó giải quyết nhất là chuyện hiểu lầm giữa các anh em hoặc bà con trong gia đình.

Practice 2-4 Review the Reading and answer these questions:

- Hệ thống trường học tại Hoa Kỳ rất đa dạng và hữu hiệu.
- Trình độ tối thiểu của tất cả trẻ em ở Hoa Kỳ là tốt nghiệp trung học (cấp ba).
- Học sinh tiểu và trung học tại Hoa Kỳ không phải trả học phí.
- Học sinh nghèo còn được hưởng phần ăn trưa miễn phí.
- Tại California có ba hệ thống trường đại học công: trường cộng đồng, CSU và UC.
- Hệ thống trường đại học cộng đồng đào tạo ra chuyên viên trung cấp.
- Hệ thống trường đại học CSU đào tạo ra chuyên viên cao cấp.
- Hệ thống trường UC đào tạo ra các nhà nghiên cứu hoặc chuyên gia cho các ngành.
- Sinh viên không phải học thuộc lòng.
- Họ cần hiểu bài, nắm vững được nội dung bài và biết áp dụng những gì đã học.
- Như vậy rất hay, rất bổ ích và rất thực dụng.
- Khi ra trường sinh viên có kiến thức đầy đủ về lý thuyết và thực hành để áp dụng vào công việc sẽ làm.
- Ở Việt Nam không có cách học như vậy. Sinh viên vẫn phải học thuộc lòng.
- Chỉ vài trường hợp đặc biệt, còn lại không nên học thuộc lòng, vì sẽ dễ quên.
- Trường của tôi chọn cũng được. Tôi không vừa ý lắm

Practice 2-5 Listen to the passage and write down what you hear. See Scripts for Listening Practices, page 216.

Practice 2-6 Read the chart carefully and answer the questions below it:

- Bậc tiểu học ở Mỹ có sáu lớp. Đó là từ lớp 1 đến lớp 6.
- Bậc trung học có bốn lớp. Đó là từ lớp 9 đến lớp 12.
- Bậc đại học có bốn lớp (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư).
- Hậu đại học có bảy lớp (từ năm thứ năm đến năm thứ 11).

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson Two – Answers to Practices

5. Từ cấp trung đến hết trung học phải học sáu lớp.
6. Học hết lớp 12 thì được Bằng Trung Học.
7. Hậu đại học có hai bằng: cao học và tiến sĩ
8. Cao học cần học hai năm.
9. Từ mẫu giáo đến năm thứ nhất đại học gồm 15 năm.
10. Theo hệ thống trên đây gồm có năm cấp (không kể mẫu giáo vì các lớp này không bắt buộc. Pre-school is not included because it is not obligatory.)
11. Hiện tại tôi đang ở cấp bốn (cộng đồng hoặc 4 năm)/năm (hậu đại học)
12. Tôi định học hết cấp bốn/cấp năm.
13. Bậc tiểu học ở Việt Nam có năm lớp.
14. Bậc tiểu học ở Việt Nam còn được gọi là phổ thông cơ sở.
15. Các lớp cấp trung là lớp 7 và lớp 8.
16. Trường cấp trung ở Việt Nam gọi là phổ thông cấp hai.
17. Các lớp từ 10 đến 12 ở Việt Nam gọi là trường phổ thông trung học.
18. Tôi muốn học để lấy bằng cao đẳng/cử nhân/cao học/tiến sĩ.
19. Tôi thích ngành _____ nhất.
20. Hiện nay ngành _____ được nhiều người theo học nhiều nhất.

Practice 2-7 Fill in the blanks with appropriate words from the list.

Trước khi Minh bắt đầu đi học, cô ấy xin gặp viên tư vấn. Viên tư vấn cho Minh ý kiến về các môn học cần phải lấy. Sau đó cô mới ghi danh. Mỗi học kỳ Minh ghi bốn lớp – ba lớp tổng quát và một lớp môn chính.



A straying page from book 1 has found its way to this place. Our detectives are investigating. We apologize for the inconvenience. Here is the missing page (next page). Please print it and replace the intruding page 46 in your book. Thank you

Practice 2-8 Make sentences using these terms:

1. Sau khi xong trung học, em tôi **định** học ngành cơ khí.
2. Tôi thích **chọn trường** gần nhà để ít tốn kém. (I choose a school close to my home so as to minimize the cost.)
3. Tôi chỉ **chọn ngành** tôi thích.
4. Con đầu chị ấy đang học lớp 8 **cấp trung**.
5. Muốn lên đại học sinh viên phải có **bằng trung học** hoặc tương đương (equivalent).
6. Mỗi **mùa học**, tôi lấy bốn hoặc năm lớp.
7. Con gái chị ấy là **chuyên viên** về siêu âm (ultra sound technician).
8. Có những **môn học** sinh viên sẽ không bao giờ sử dụng sau khi ra trường. (There are a number of courses students never apply to their lives after their graduation.)
9. Giáo sư của tôi là một người gốc Đức. (One of my professors is a German-American.)
10. Mỗi **học kỳ** tại các trường CSU kéo dài 16 tuần lễ.

(to be continued on the other page)

PRACTICE 2-8



Make sentences using these terms:

định
mùa học
kỹ sư

chọn trường
chuyên viên
chứng chỉ

chọn ngành
môn học
công nhân

cấp trung
giáo sư
thắc mắc

bằng trung học
học kỳ
thành công

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____

PRACTICE 2-9



Complete the sentences in your own words:

1. Khi lên đại học tôi định theo _____
2. Học ngành tâm lý học đường bạn sẽ làm _____
3. Các lớp tiểu học từ lớp _____
4. Các lớp cấp trung gồm có _____
5. Trung học gồm các lớp _____
6. Trường đại học cộng đồng có thể cấp bằng _____
7. Các trường đại học CSU và UC đều có thể cấp bằng _____

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson Two – Answers to Practices

11. Cháu tôi là một **kỹ sư** điện toán làm việc cho công ty IBM.
12. Nếu bạn muốn đi làm ngay, chỉ cần học một **chứng chỉ** về cái ngành bạn thích.
(If you wish to go to work right away, complete a certificate in the field you are interested in.)
13. Bạn chị tôi là một **công nhân** lắp ráp cho hãng làm dụng cụ y tế. (My sister's friend is an assembler at a company that makes medical supplies.)
14. Bạn có **thắc mắc** gì về bài này, xin gửi email về địa chỉ: dungtan@hotmail.com.
15. Tôi xin chúc các bạn **thành công** trong mọi lãnh vực các bạn theo đuổi. (I wish you all success in everything you are pursuing.)

Practice 2-9 Complete the sentences in your own words.

1. Khi lên đại học tôi định theo học ngành ngôn ngữ học.
2. Học ngành tâm lý học đường bạn sẽ làm tư vấn tại các trường.
3. Các lớp tiểu học từ lớp 1 đến lớp 6.
4. Các lớp trung gồm có lớp 7 và lớp 8.
5. Trung học (tại Hoa Kỳ) gồm có các lớp 9 đến lớp 12.
6. Trường đại học cộng đồng có thể cấp bằng cao đẳng (tức Associate of Arts = AA).
7. Các trường CSU và UC đều có thể cấp bằng cử nhân và cao học (hay còn gọi là thạc sĩ).
8. Các trường CSU có thể cấp bằng cao nhất là thạc sĩ.
9. Các trường UC có thể cấp bằng cao nhất là tiến sĩ.
10. Hệ thống CSU đào tạo ra chuyên viên cao cấp.
11. Hệ thống UC đào tạo ra chuyên gia hoặc nhà nghiên cứu.
12. Học sinh tiểu và trung học tại Hoa Kỳ học miễn phí.
13. Viên tư vấn giúp học sinh/sinh viên nắm vững chương trình học. (study plan)
14. Chính các sinh viên sẽ là những người trực tiếp điều hành công việc sau này.
15. Chúc các anh/chị thành công tốt đẹp trên con đường học vấn.

Practice 2-10 Conditional clauses: Combine two given sentences into one beginning with conditional conjunctions: *nếu, giá mà, phải chi*.

2. Nếu chúng tôi không đến trễ năm phút thì chúng tôi không bị trễ chuyến xe buýt.
3. Giá mà tôi biết anh đến thì đã mua thêm thức ăn.
4. Phải chi Tính đừng bỏ học thì mẹ nó không giận nó.
5. Nếu tôi biết anh cần cái bàn đó thì tôi đâu có cho người hàng xóm.
6. Phải chi nó đừng lái xe nhanh quá thì nó đâu có bị tai nạn.
7. Nếu mùa thu này có lớp Tâm Lý 100 thì Trung ghi danh lớp này.
8. Giá mà chị cho tôi biết trước thì tôi chờ chị rồi.
9. Phải chi Oanh đừng học trễ một năm thì sang năm Oanh ra trường rồi.
10. Giá mà tôi còn trẻ thì tôi có thể đi bộ năm dặm một giờ.
11. Phải chi chị học tâm lý học đường thì chị có thể làm tư vấn viên được.
12. Giá mà cuộc đời là màu hồng thì ai cũng được hạnh phúc cả.
13. Nếu ông ấy không bị bệnh hoài thì ông ấy có thể đi một mỗi ngày nửa giờ.

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson Two – Answers to Practices

14. Phải chi ông ấy đừng chọc bà ấy thì bà ấy không nổi giận với ông ấy.
15. Nếu tôi không bỏ học đi chơi thì chị tôi đâu có buồn tôi.

Practice 2-11 Change these sentences into *indicative* form.

2. Tôi không biết anh có chuyện cần nên tôi đã làm phiền anh.
3. Hồi nhỏ nó bị suyễn nên bây giờ nó ốm và nhỏ con.
4. Mẹ nó thương nó vậy mà nó bỏ nhà ra đi.
5. Nó chạy xe quá nhanh nên bị cảnh sát phạt.
6. Nó lười biếng quá nên bị đuổi việc.
7. Tôi biết anh quá trẻ nên không nhờ anh viết giúp lá thư.
8. Hôm đó trời mưa nên chúng không đến nhà anh.
9. Nó không chịu lo học nên bây giờ vẫn chưa ra trường.
10. Tại chị nói nhiều nên nó mới biết.
11. Anh mượn tiền người nên bây giờ anh mắc nợ.
12. Nó nói láo nên chẳng ai tin lời nó.
13. Người ta làm việc không khoa học nên công việc trở nên khó khăn.
14. Anh làm việc đó nên họ mới nói anh.

Please add these two missing questions – 15 and 16. Thank you

*15. Nếu không ai phạm pháp thì không có nhà tù. (No criminals no prisons.)

Nhiều người phạm pháp nên cảnh sát lúc nào cũng bận rộn.

*16. Nếu không có lửa thì làm sao có khói? (No smoke without fire.)

Tại có lửa nên mới có khói.

17. Hôm qua trời mưa nên chúng tôi chưa làm xong cái sân sau.
18. Tôi không biết họ sẽ đối xử với tôi như vậy mới không bỏ đi.
19. Anh ấy dối gạt tôi nên tôi buồn anh ấy.
20. Hồi năm tuổi chị ấy bị phỏng nặng nên bây giờ chị ấy không được đẹp lắm.

Trang Tập Viết:



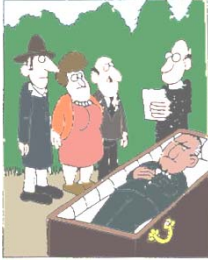
Chúng tôi khuyến khích mọi sinh viên tham gia vào trang này để tập viết.

‘Writing skill development. All students are encouraged to participate in this part to promote their writing skill.

☐ Xem hình vẽ dành cho mỗi mẫu chuyện, dùng các từ cho sẵn để trả lời các câu hỏi hướng dẫn. Look at the pictures labeled for a short story, use the given words and answer all the questions.

☐ Điền vào chỗ trống trong bài cho sẵn với những từ cho sẵn trước đó.

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson Two – Answers to Practices



đứng chờ
nghĩa địa
hạ huyệt (put in the grave)
Nhiều người đang làm gì trước khi hạ huyệt?



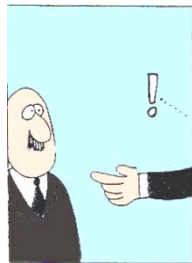
hãy nói
nói chôn
người chết
Vị mục sư nói gì trước khi chôn?



lặp lại
điều tốt
mọi người
Vị mục sư hỏi thúc mọi người làm gì?



không ai
một lời
chịu nói
Mọi người làm gì trước lời yêu cầu (request) của vị mục sư?

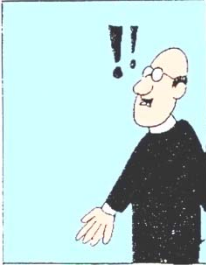


lặp lại
điều tốt
mời nói
Vị mục sư lại nói điều gì?



không ai
chịu nói
một lời
Mọi người làm gì khi vị mục sư yêu cầu lần nữa?

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson Two – Answers to Practices



xin vui lòng
vài lời
tốt đẹp
Lần thứ ba vị mục sư yêu cầu điều gì?



không ai
chịu nói
một lời
Mọi người làm gì?



anh ông ấy
tệ hơn
ông ấy
Cuối cùng thì người đàn bà nói gì?

☐ Điền vào chỗ trống về mẩu chuyện với các từ-ngữ ở trên đây

Một đám người đứng quanh _____ trong một nghĩa địa (cemetery). Vị mục sư đang nói về người đàn ông họ sắp sửa _____. Vị mục sư nói: “Bây giờ chúng ta hãy nói vài lời tốt lành về người vừa _____.”

Không ai nói gì cả.

Vị mục sư bèn lặp lại: “Xin mọi người nói vài lời _____ về người vừa qua đời.”

Không ai _____ cả.

Vị _____ bèn năn nỉ: “Tôi _____ mà, xin mọi người nói vài lời tốt lành về người vừa qua đời đi.”

Không ai nói gì cả.

Cuối cùng người _____ trong đám nói: “Tôi thấy _____ của ông này còn tệ hơn ông nhiều.”



Vietnamese for Busy People 2 – Lesson Two – Answers to Practices

☐ Đây là mẩu chuyện khôi hài.

Một số người đứng quanh mộ huyệt trong một nghĩa địa (cemetery). Vị mục sư đang nói về người đàn ông họ sắp sửa hạ huyệt. Vị mục sư nói: “Bây giờ chúng ta hãy nói vài lời tốt lành về người vừa qua đời.”

Không ai nói gì cả.

Vị mục sư bèn lặp lại: “Xin mọi người nói vài lời tốt lành về người vừa qua đời.”

Không ai nói gì cả.

Vị mục sư bèn hạ giọng: “Tôi năn nỉ mà, xin mọi người nói vài lời tốt lành về người vừa qua đời đi.”

Không ai nói gì cả.

Cuối cùng người đàn bà trong đám nói: “Tôi thấy ông anh của ông này còn tệ hơn ông nhiều.”

Some people are standing around a grave in a cemetery. A minister is talking about the man they are going to bury. The minister says, “Let’s say some good things about this man.”

Nobody says anything.

The minister says again, “Let’s say some good things about this man.”

Nobody says anything.

“PLEASE!” pleads the minister to the crowd. “Let’s say some good things about this man!”

Nobody says anything.

Finally a woman says, “Well, his brother was worse.”